

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính tỉnh Nam Định năm 2021

Thực hiện Công văn số 6459/BNV-CCHC ngày 07/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo CCHC định kỳ năm 2021; Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 25/9/2018 về việc ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số CCHC (Par Index) tỉnh Nam Định năm 2018 và các năm tiếp theo; Báo cáo số 139/BC-UBND ngày 29/6/2020 về việc báo cáo Tổng kết Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2021-2030 của tỉnh Nam Định, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Nam Định năm 2021, như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, phục vụ nhân dân, hoàn thành một số chỉ tiêu của Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030.

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu trong giai đoạn mới là cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách công vụ và xây dựng Chính phủ điện tử.

- Nâng cao chỉ số CCHC của tỉnh (Par Index), cải thiện chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà tỉnh Nam Định (Sipas), Chỉ số Quản trị hành chính công (Papi), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số ứng dụng CNTT (ICT Index)

2. Yêu cầu

- Lãnh đạo các cấp, các ngành xác định được tầm quan trọng của CCHC, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Các nội dung CCHC phải được thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ, có chất lượng và hiệu quả.

- Kế thừa và phát huy những kết quả CCHC tốt đã đạt được trong thời gian vừa qua, chủ động nghiên cứu, sáng tạo, quyết liệt áp dụng các giải pháp nhằm khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém trong CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm đẩy mạnh CCHC năm 2021 và những năm tiếp theo.

- Lấy Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức làm thước đo đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Tổ chức rà soát, kiểm tra, tự kiểm tra, hệ thống hóa Văn bản QPPL do HĐND và UBND tỉnh ban hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với sự thay đổi của Luật, Nghị quyết, Nghị định, Thông tư mới ban hành. Kịp thời sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, công bố hết hiệu lực theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp trên sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản QPPL, trong đó tập trung xử lý những nội dung Bộ Tư pháp đã có văn bản kiến nghị.

- Nâng cao chất lượng, kiểm soát chặt chẽ việc tham mưu, xây dựng, ban hành văn bản QPPL mới đảm bảo tính kịp thời, hợp pháp, đồng bộ, khả thi của hệ thống văn bản theo quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020.

- Tổ chức triển khai thực hiện và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL đã được ban hành.

- Theo dõi thi hành pháp luật, đánh giá hiệu lực, hiệu quả của văn bản QPPL trong các lĩnh vực, ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước tại địa phương.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, thường xuyên rà soát, đánh giá TTHC trên mọi lĩnh vực, nhất là những TTHC liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp, các TTHC có nhiều bức xúc, phản ánh kiến nghị, các TTHC hay xảy ra tình trạng chậm muộn, bị những nhiễu gây khó dễ khi giải quyết như TTHC liên quan đến đất đai, đầu tư, kinh doanh, xây dựng...

- Chú trọng đơn giản hóa TTHC theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ, chủ động rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền rút gọn thành phần hồ sơ, giảm bớt thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý, giảm phí và lệ phí; kiến nghị loại bỏ các TTHC chồng chéo, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp.

- Cập nhật kịp thời, công bố, chuẩn hóa danh mục các TTHC ngay sau khi cơ quan Trung ương công bố mới, bãi bỏ các TTHC đã hết hiệu lực. Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Cổng dịch vụ công trực tuyến, các Trang tin điện tử và Bộ phận một cửa các cấp. Minh bạch tiến độ giải quyết TTHC, đảm bảo hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ không quá một lần trong suốt quá trình giải quyết TTHC.

- Đẩy mạnh giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, cung cấp 100% TTHC hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết ở mức độ 4 trên cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; tích hợp vào cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, đồng thời triển khai thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong giải quyết TTHC.

Các Sở, ban, ngành và địa phương có trách nhiệm chuẩn hóa, điện tử hóa hồ sơ, quy trình xử lý hồ sơ TTHC đảm bảo giải quyết TTHC trực tuyến được thông suốt; tăng cường các biện pháp tuyên truyền, khuyến khích, tạo điều kiện để người

dân và tổ chức thực hiện TTHC qua cổng dịch vụ công trực tuyến nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí, tránh sự nhùng nhể của công chức, viên chức.

- Hoàn thiện quy trình nội bộ giải quyết TTHC ngay sau khi TTHC được công bố, tích hợp với phần mềm một cửa điện tử. Đối với các TTHC liên thông cần đảm bảo rõ ràng về thời gian, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong từng bước của quy trình, nâng cao hiệu quả và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC.

- Hoàn thành việc đưa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương theo ngành dọc tại địa phương ra tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC của tỉnh và Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã theo danh mục TTHC tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 7/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ HCC của tỉnh và Bộ phận một cửa các cấp nhằm xây dựng nền hành chính phục vụ, hướng tới sự hài lòng của người dân và tổ chức. Quản lý, theo dõi đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại đây, kịp thời thay thế, xử lý kỷ luật đối với công chức, viên chức có biểu hiện tiêu cực.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tiếp tục triển khai các kế hoạch của UBND tỉnh để thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII: Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh về việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng của các đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể là sắp xếp các ban quản lý dự án chuyên ngành, chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ...

- Rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong của các cơ quan, đơn vị hành chính theo hướng tinh gọn đầu mối, kiên quyết cắt giảm số lượng phòng, chi cục, trung tâm, ban quản lý dự án và đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ngành; giảm số lượng lãnh đạo; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ để một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập; sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ngành, lĩnh vực theo tinh thần của Nghị

quyết số 19-NQ/TW; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Vị trí việc làm: Triển khai rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Đề án vị trí cho công chức, viên chức phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức, Nghị định 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ 10/09/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đẩy mạnh thực hiện phân cấp quản lý giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành, cấp huyện và giữa cấp huyện với cấp xã đảm bảo tính chủ động giữa nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, đồng bộ với nguồn lực tài chính theo Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ ngày 24/06/2020 về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực

4. Cải cách công vụ

- Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức theo tiêu chuẩn, chức danh và cơ cấu ngạch công chức, viên chức trong đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức đảm bảo đúng quy định theo Nghị định số 138/2002/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Tinh giản biên chế: Thực hiện theo đúng lộ trình việc tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP.

- Đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại Cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, lượng hóa các tiêu chí đánh giá.

Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi công vụ và chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính. Lấy kết quả thực hiện CCHC là một cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét các danh hiệu thi đua của tập thể và cá nhân.

- Thanh tra, kiểm tra:

Tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra công vụ năm 2021 và kiểm tra việc thực hiện kiến nghị của các cuộc thanh tra, kiểm tra đối với các cơ quan, đơn vị đã tiến hành thanh tra năm 2020.

Sở Nội vụ tham mưu cho UBND tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra công tác CCHC năm 2021 và xây dựng kế hoạch, tổ chức cho các đoàn kiểm tra công tác CCHC tại một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho UBND tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra và đánh giá kết quả việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường đạo đức công vụ và kỷ cương hành chính:

Nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để đáp ứng yêu cầu cải cách nền hành chính theo hướng phục vụ. Thủ trưởng cơ quan đơn vị quán triệt thực hiện nghiêm đạo đức công vụ, văn hóa công vụ, nghiêm cấm mọi hành vi sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho người dân và tổ chức.

Chủ động lựa chọn, bố trí công chức, viên chức có đủ phẩm chất, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ làm việc tại bộ phận một cửa các cấp – nơi thường xuyên tiếp xúc với cá nhân và tổ chức. Cải thiện chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh.

Kiểm quyết thay thế hoặc xử lý kỷ luật nghiêm đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm căn cứ theo Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/09/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đối với cán bộ, công chức, viên chức; gắn kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức với việc bố trí theo vị trí việc làm, chức danh, yêu cầu nhiệm vụ và quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện và kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ tại cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; cơ chế tự chủ tại đơn vị SNCL theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015, Nghị định số 141/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016.

- Tổ chức thực hiện triệt để các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính và ngân sách.

- Hoàn thành việc ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý và sử dụng tài sản công, thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý.

- Tăng số đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, nhất là các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực y tế, giáo dục...

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

- Nâng cấp, mở rộng nền tảng tích hợp ứng dụng và dịch vụ CNTT tỉnh Nam Định: Xây dựng, triển khai nền tảng tích hợp ứng dụng và dịch vụ CNTT của

tỉnh (LGSP) phục vụ kết nối nền tảng Chính phủ điện tử quốc gia; tích hợp các hệ thống ứng dụng, dịch vụ và CSDL dùng chung của tỉnh vào hệ thống; tích hợp phần mềm Một cửa điện tử với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm quản lý chuyên ngành nhằm tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình trao đổi, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu.

- Xây dựng thành phố thông minh tỉnh Nam Định: Xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông minh tỉnh Nam Định nhằm quản lý, vận hành hệ thống cơ sở hạ tầng ứng dụng CNTT phục vụ triển khai đô thị thông minh tỉnh; hình thành đơn vị trung tâm tổng hợp dữ liệu quản lý và điều hành hoạt động đô thị theo mô hình đô thị thông minh.

- Ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước

- + Duy trì, nâng cấp, hoàn thiện các phần mềm dùng chung trong hoạt động của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh, tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng các phần mềm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống Một cửa điện tử tích hợp cổng cung cấp dịch vụ công, Chứng thư số chuyên dùng, Cổng thông tin điện tử, Phần mềm Quản lý cán bộ công chức, Thư điện tử công vụ, Phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh, Hệ thống báo cáo tỉnh Nam Định, Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội và các HTTT dùng chung khác để phù hợp với công tác quản lý của tỉnh và của các ngành, lĩnh vực.

Tăng cường sử dụng, trao đổi văn bản điện tử, ứng dụng chứng thư số, chữ ký số trong liên thông văn bản điện tử, nhất là tại UBND cấp huyện và cấp xã. Cải tiến, nâng cấp phần mềm quản lý văn bản để đáp ứng yêu cầu của Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư đối với văn bản điện tử.

- + Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh để tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước. Dữ liệu báo cáo được tổng hợp vào kho dữ liệu chung, phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, cơ quan hành chính nhà nước các cấp và hỗ trợ đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- + Hệ thống giao ban trực tuyến: Nâng cấp hoàn thiện và triển khai Hệ thống Hội nghị giao ban trực tuyến của tỉnh phục vụ họp trực tuyến cho các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã, rút ngắn thời gian hội họp, giảm giấy tờ hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước.

- + Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trên phạm vi toàn tỉnh theo mô hình ISO điện tử, tích hợp và đồng bộ với hệ thống tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, đảm bảo là công cụ đắc lực cho các hoạt động CCHC trong các cơ quan nhà nước.

- + Đẩy mạnh việc tổ chức đấu thầu qua mạng theo lộ trình triển khai của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của tỉnh.

- Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

+ Trang tin điện tử: Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình cung cấp thông tin trên các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương; đề xuất và triển khai hiệu quả các hoạt động nâng cấp, công tác an toàn thông tin cho các cổng/trang thông tin điện tử, bảo đảm kênh cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp được duy trì ổn định, liên tục và thông suốt. Nâng cao chất lượng của các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương, cải thiện chỉ số xếp hạng quốc gia của cổng TTĐT tỉnh Nam Định.

+ Dịch vụ công trực tuyến: Rà soát, mở rộng danh mục TTHC thực hiện trực tuyến, phấn đấu 100% TTHC đủ điều kiện được cung ứng ở mức độ 4 và cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động, đồng thời thực hiện thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC.

Tăng cường các biện pháp truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phát huy hiệu quả của mạng lưới bưu chính công ích và chính quyền cơ sở trong công tác hỗ trợ, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thay đổi hành vi thực hiện TTHC.

+ Khắc phục triệt để tình trạng yếu kém trong ứng dụng CNTT vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước của một số đơn vị, địa phương (Ý Yên....)

7. Xác định Chỉ số cải cách hành chính

- Thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm, điều tra xã hội học, điều tra sự hài lòng của người dân tổ chức để xác định Chỉ số CCHC hàng năm của tỉnh Nam Định theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Chính sửa và duy trì thực hiện Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai phần mềm chấm điểm chỉ số CCHC đối với sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1.1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan

- Chủ động triển khai và phối hợp chặt chẽ, có trách nhiệm với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

- Căn cứ các nhiệm vụ được giao chủ trì tại Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch/bảng phân công trách nhiệm cụ thể đến từng cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện tốt công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính đã phân công cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) theo hướng dẫn tại Văn bản số 2534/SNV-CCHC ngày 11/12/2020 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch năm và báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2021.

1.2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách công vụ; kiểm tra cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC thông qua việc xác định Chỉ số CCHC của tỉnh Nam Định và của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và UBND cấp xã hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên kiểm tra đột xuất cải cách hành chính, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp của công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề vướng mắc phát sinh và cơ quan, đơn vị không thực hiện hoặc chậm thực hiện các nhiệm vụ được giao để có biện pháp chỉ đạo, xử lý.

1.3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác kiểm soát và đơn giản hóa thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC trên tất cả các lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước, nhất là TTHC có liên quan đến người dân và doanh nghiệp; tổ chức triển khai thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

1.4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác Xây dựng Chính phủ điện tử, ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC.

Đẩy mạnh tuyên truyền về công tác CCHC, thay đổi nhận thức và hành vi trong thực hiện giao dịch TTHC theo hướng điện tử hóa

1.5. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách thể chế, nâng cao chất lượng ban hành và thực hiện các văn bản QPPL.

1.6. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, triển khai thực hiện việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học, ứng dụng và nhân rộng các sáng kiến về CCHC nhằm mang lại hiệu quả cho hoạt động quản lý nhà nước.

1.7. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ về công tác cải cách tài chính công.

1.8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp, giải pháp thu hút đầu tư, hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện theo thẩm quyền hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đơn đốc việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh để cải thiện, nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh của tỉnh.


2. Kinh phí

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC do ngân sách tỉnh đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện công tác CCHC theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Nhiệm vụ cụ thể theo từng lĩnh vực (theo Phụ lục kèm theo)

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về UBND (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh và TH tỉnh, Báo Nam Định;
- Website tỉnh;
- Lưu: VP1, VP8. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Lê Đoài

Phụ lục

NHIỆM VỤ CỤ THỂ THEO LĨNH VỰC CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH NAM ĐỊNH NĂM 2021
(Kèm theo Kế hoạch số 117 /KH-UBND ngày 30 tháng 12 Năm 2020 của UBND tỉnh Nam Định)

Nhiệm vụ	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí dự kiến
I. Cải cách thể chế	1. Rà soát và hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật	1.1. Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL.	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Quý 1-Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
		1.2. Rà soát danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực năm 2020.	Sở Tư pháp	Cơ quan có liên quan	Quý 1-Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
		1.3. Các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành được đăng công báo và cập nhật vào CSDL quốc gia về VBQPPL	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp	Cơ quan có liên quan	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên
	2. Nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật được ban hành	2.1. Dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành	Cơ quan có liên quan	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
		2.2. Báo cáo thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Cơ quan có liên quan	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
	3. Công tác theo dõi thi hành pháp luật	3.1 Xây dựng Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Quý 1-Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
		3.2 Triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
II. Cải cách thủ tục hành chính	1. Rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	1.1.Xây dựng và thực hiện Kế hoạch kiểm soát, đánh giá TTHC năm 2021	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
		1.2. Công bố, cập nhật, công khai các TTHC mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế TTHC của các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên
		1.3. Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá, kiến nghị đơn giản hóa TTHC của các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
II. Cải cách thủ tục hành chính	2. Mở rộng, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã	1.4. Công khai TTHC trình trên cơ sở dữ liệu quốc gia và trên Cổng, Trang thông tin điện tử của tỉnh, của các cơ quan, đơn vị	Văn phòng UBND tỉnh, Sở TTTT	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên
		2.1 Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, xã	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
		2.2 Đẩy mạnh thực hiện giải quyết các TTHC liên thông cùng cấp và giữa các cấp chính quyền	Văn phòng UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên
		2.3 Hoàn thành đưa TTHC ngành dọc ra Bộ phận một cửa các cấp	Văn phòng UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
		2.4 Hoàn thiện xây dựng và kiểm soát chất lượng quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên
III. Cải cách tổ		1.1. Triển khai xây dựng và thực hiện việc tổ chức, sắp xếp lại bộ máy cho các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp của tỉnh	UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên

Nhiệm vụ	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí dự kiến
chức bộ máy		1.2 Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Đề án vị trí việc làm cho công chức và viên chức theo quy định mới.	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
IV. Cải cách công vụ	1. Công tác thanh tra, Kiểm tra	1.1. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác CCHC, tổ chức bộ máy, quản lý và sử dụng CC, VC tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
		1.2. Tổ chức thanh tra công vụ, kiểm tra công tác CCHC, tổ chức bộ máy, quản lý và sử dụng CC, VC tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
IV. Cải cách công vụ	2. Công tác tuyển dụng CC, VC	2.1 Xây dựng kế hoạch tuyển dụng CC, VC theo biên chế được giao trên cơ sở đề án vị trí việc làm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
		2.2 Tuyển dụng theo trình tự và thủ tục quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
	3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhà nước ở tỉnh	3.1 Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Nam Định năm 2021	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2021	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng
		3.2 Mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho CB, CC, VC	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2021	
	4. Công tác cán bộ	Triển khai các nội dung về luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghỉ hưu,... cho cán bộ, công chức theo đúng quy định	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
	5. Đánh giá	Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các cấp	Quý IV Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
V. Cải cách tài chính công	1. Thực hiện các quy định của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính Nhà nước; Cơ chế tự chủ về tài chính đối với đơn vị SN công lập		Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
	2. Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính và ngân sách		Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
	3. Tăng số lượng đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên		Sở Tài chính	Các đơn vị liên quan	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
V. Xây dựng Chính phủ điện tử		1. Xây dựng thành phố thông minh tỉnh Nam Định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	Năm 2021 và những năm tiếp theo	Kinh phí thường xuyên
	2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ở tỉnh	1.1 Nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị trực tuyến của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị trong tỉnh	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
		1.2 Kết nối, liên thông các HTTT, CSDL của địa phương trong việc gửi, nhận văn bản điện tử, dịch vụ công trực tuyến, thông tin báo cáo, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, TTHC...với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông, VP UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Năm 2021 và những năm tiếp theo(Theo lộ trình của Trung ương)	Kinh phí thường xuyên
		1.3 Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của địa phương trên cơ sở kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ theo lộ trình, hướng dẫn của Chính phủ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	Hàng năm(Theo lộ trình của Trung ương)	Kinh phí chi thường xuyên
		1.4 Nâng cấp hệ thống phần mềm QLVB, kết nối trực liên thông văn bản quốc gia, các Bộ, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị trong tỉnh	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên

Nhiệm vụ	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí dự kiến
VI. Xây dựng Chính phủ điện tử	3. Ứng dụng CNTT phục vụ cá nhân và tổ chức	3.1 Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành Trung tâm Dịch vụ hành chính công tỉnh Nam Định, Kết nối hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đúng lộ trình của Chính phủ.	Sở Thông tin và Truyền thông, VP UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Hàng năm (Theo lộ trình của Trung ương)	Kinh phí thường xuyên
		3.2 Nâng tỷ lệ cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 lên 100% (đối với TTHC đủ điều kiện), triển khai thanh toán trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
		3.3 Thực hiện nâng cấp, bổ sung chuyên mục, chuyên trang trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Cổng Thông tin CCHC và cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành và UBND các cấp	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
	4. Mở rộng, nâng cao chất lượng việc áp dụng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2009	4.1. Duy trì việc áp dụng Hệ thống QLCL theo TCVN ISO 9001:2015	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, Chi cục thuế sở và UBND cấp huyện, cấp xã	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
		4.2. Triển khai việc xây dựng và áp dụng Hệ thống QLCL theo TCVN ISO 9001:2015 tại tất cả 226 UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh (năm 2021 còn 86 UBND cấp xã)	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã	Năm 2021	Kinh phí sự nghiệp KHCN của tỉnh
VI. Chỉ số CCHC	Đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2020	1.1. Tự đánh giá, chấm điểm và điều tra sự hài lòng của người dân, tổ chức và điều tra XHH xác định Chỉ số CCHC hàng năm của tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	VP UBND tỉnh và các sở: Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và ĐT, Thông tin và TT, KH và CN	Theo quy định của Bộ Nội vụ	Kinh phí CCHC
		1.2 Hoàn thành chấm điểm chỉ số CCHC đối với UBND cấp xã, triển khai chấm điểm CCHC đối với các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện qua phần mềm chấm điểm CCHC	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Quý 1-Năm 2021	Kinh phí CCHC
		1.3. Thẩm định kết quả, công bố kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2020 của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh	Sở Nội vụ	Hội đồng thẩm định chỉ số CCHC	Quý I năm 2021	Kinh phí CCHC
VII. Các nhiệm vụ khác	1. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh	1.1. Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Năm 2021	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
		1.2. Chương trình, chuyên mục CCHC phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và tin, bài được đăng tải trên Báo Nam Định; Cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và TT, Đài PTTH tỉnh, Báo Nam Định	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên	Kinh phí CCHC
	2. Tổ chức thực hiện đề án, chương trình cải cách hành chính nhà nước ở tỉnh	2.1 Xây dựng Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2025	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ	Kinh phí thường xuyên
		2.2 Triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2025	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên